

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK20	7:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
2		BK14+CTK3	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	CHUYEN 1 BK14-CTK3
3		P2+CTK3	9:25	7+13	0+0		7+15	0+0	CHUYEN2 P2- CTK3
4		CTK3+RP2+RCDM	9:25	17+4+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
5		BK9+P1+P10	11:25	9+4+0	0+0+0		7+4+11	0+0+0	CHUYEN 2 P1- p10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
5 NG. ĐI td2 QUA BK14



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2024	TO: CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: XHOÀN - ĐNAM -	ETA: 09:20
XANH-1		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CTK3	009	1	5	1	32	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	35	1	5	4	70	64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN SƠN	CTK3	003	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CTK3	34	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3	03	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHÙNG VĂN KHANH	CTK3	51	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
7	MAKSIMOV D	CTK3	04	1	9			121	KH-THAC	Russian
8	BUI TIEN DUNG	CTK3	38,08	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TIEN QUY	CTK3	06	1	5			72	PSV	Vietnamese
10	CAO VĂN ĐẠU	CTK3	52	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	01	1	6			45	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	006-007	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	005	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG AN	CTK3						70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ HOANG	CTK3	002	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN BÁC	CTK3	02	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG TRỌNG VỌ	CTK3	07	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH NHỎ HOANG	CTK3	008	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	004	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUANG HẢI	CTK3	05	1	16			75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH TÀI	BK20	98	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	BK20	99	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	20	1.408	21	143	5	102	18		
2	BK20	2	155	2	20	0	0	4		
TOTAL		22	1.563	23	163	5	102	22		
WEIGHT KG			1.563		163		102			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2024		TO: BK14 - CTK3			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:35		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: HÙNG - N.CƯỜNG -			ETA: 09:25		
CAM-1					THÀNH					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TIEN	BK14	61	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH THINH	BK14	67	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH TUAN	BK14	63	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN QUANG TUAN	BK14	64	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	BK14	57-58	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HONG MINH	BK14	62	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	59	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET LONG	BK14	60	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TUAN VIET	BK14	51	1	9	3	50	90	ĐANG KIEM	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC CHIEN	BK14	49-50	2	14			80	ĐANG KIEM	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VU	BK14	52-53	2	10			74	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TUNG	BK14	54	1	7	1	10	52	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN BACH TUNG	BK14	47	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIET DUNG	BK14	68-69	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN NAM DAI	BK14	70-71	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN VINH	BK14	65-66	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI HUU LOI	BK14	55	1	17			80	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM NGOC NINH	BK14	56	1	5			80	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SA	BK14	48	1	5			65	PSV	Vietnamese
20	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	17	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	18	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TU THANG	CTK3	16	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	19	1.403	25	182	4	60	18		CHUYEN 01 PAX BK14 SANG CTK3
2	CTK3	3	183	3	12	0	0	4		
TOTAL		22	1.586	28	194	4	60	22		
WEIGHT KG			1.586		194		60			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2024	TO: P2 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: KHOÀN - ĐNAM -	ETA: 11:40
VANG-2		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN THUYET	P2	40-41	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN DUONG	P2	60	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
3	LA KHAC HAO	P2	57	1	15			54	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	P2	58-59	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
5	TRINH VAN BAU	P2	61	1	17			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN SY TAI	P2	62-63	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN PHUONG	P2	38-39	2	19			52	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN NGOC TRI	CTK3	61	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH HA	CTK3	52	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG HOANG ANH	CTK3	15	1	16			90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	60	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG HOAN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH PHUC	CTK3	56	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ĐANG MINH ĐUC	CTK3	62	1	8	2	29	89	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HIEU TRUNG	CTK3	57	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN KHAC THANG	CTK3	55	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VIET HUNG	CTK3	59	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HUNG	CTK3	58	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN HUY	CTK3	54	1	10			67	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG DAI	CTK3	53	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	7	419	11	122	0	0	7	2	CHUYEN 2 PAX P2-CTK3
2	CTK3	13	931	12	99	2	29	15		
TOTAL		20	1.350	23	221	2	29	22		
WEIGHT KG			1.350		221		29			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2024	TO: CTK3 - RP2 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HÙNG - N.CƯỜNG -	ETA: 11:45
TRANG-2		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN PHÚC	CTK3	35-36	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
2	DUONG VAN TUAN	CTK3	40-41	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	CTK3	37	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯƠNG CHÍ THÀNH	CTK3	31	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KHUYNH	CTK3	23-24	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC QUÝ	CTK3	25-26	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG ĐĂNG	CTK3	34	1	20			75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH PHỤNG	CTK3	29-30	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VIỆT TUÂN	CTK3	27-28	2	11			62	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN SANG	CTK3	32-33	2	22	2	10	64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MINH	CTK3	38-39	2	22			83	T-TIN	Vietnamese
12	PHẠM QUANG TUẤN	CTK3	19	1	10			85	DICHVU	Vietnamese
13	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	42	1	5			57	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH HIỆP	CTK3	20	1	9			55	NAM TIEN	Vietnamese
15	CAO BA QUANG	CTK3	21	1	7			72	NAM TIEN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TIEN**	CTK3	45	1	5			60	NAM TIEN	Vietnamese
17	LÊ VIỆT DUNG	CTK3	22	1	11			77	NAM TIEN	Vietnamese
18	VŨ VIỆT HUÂN	RP2	17	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIEN QUY	RP2	14	1	7	3	35	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN AN NINH	RP2	16	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	RP2	15	1	15			95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.194	25	236	2	10	13		
2	RP2	4	315	4	51	3	35	0		
3	RCDM	0	0	0	0	1	15	9		
TOTAL		21	1.509	29	287	6	60	22		
WEIGHT KG			1.509		287		60			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Luân VSP